

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08/ 6 /2018

“V/v: Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ-TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ngữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1) Bà: Tạ Thị Thúy Mơ.
- 2) Ông Nguyễn Đình Lê.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tất Duẩn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà tham gia phiên toà: Không.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử, trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018. Về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn 6, xã L, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Thế T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn 6, xã L, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2018 và tại các bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thế T kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường tự quyết định mọi vấn đề, chi ly trong cuộc sống, chi tiêu tiền bạc cũng như công việc hàng ngày, thường có biểu hiện khinh vợ và gia đình chị, dẫn đến hai bên cãi vã nhau, xúc phạm lẫn nhau và anh T đánh đập chị. Đến đầu năm 2014 chị bỏ đi khỏi địa phương vào làm công nhân may tại huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, cho đến tháng 5/2016 mới quay về sinh sống cùng với anh T, vì anh T năn nỉ chị tha thứ cho anh và cho anh một cơ hội để sửa sai. Nhưng khi về chung sống thì anh

T vẫn không sửa sai mà chứng nào tật đó, không thể hòa hợp được. Đến tháng 12/2017 chị bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố 3b, thị trấn Đăk Hà sinh sống cho đến nay. Chị thấy cuộc sống vợ chồng không thể đem lại hạnh phúc cho nhau, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T càng sớm càng tốt để yên tâm làm ăn.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Thế T trình bày trong các bản tự khai như sau: Về thời gian và địa điểm kết hôn như nguyên đơn trình bày là hoàn toàn đúng; trước khi kết hôn anh và chị có tìm hiểu nhau, việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng về cùng chung sống với nhau tại thôn 6, xã L. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì vợ anh bỏ về nhà mẹ đẻ và sau đó đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương hơn hai năm trời, nhưng anh vẫn chờ đợi và mong vợ anh quay về. Nguyên nhân mâu thuẫn không đáng kể chỉ là mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Năm 2016 anh có gọi điện và động viên vợ anh về cùng nhau khắc phục khó khăn và làm ăn, đến khoảng tháng 6/2016 vợ anh quay về và cùng nhau chung sống, anh đã cố gắng thuyết phục vợ anh và hàn gắn để đem lại hạnh phúc cho nhau. Đến tháng 11/2017 thì vợ anh lại bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, bản thân anh cũng đã thuyết phục nhưng không nghe, anh thấy vợ anh không tôn trọng anh và gia đình. Nhưng hiện tại anh vẫn thương yêu vợ, nên anh không đồng ý ly hôn như vợ anh đã yêu cầu.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các buổi hòa giải ngày 19/3/2018; 29/3/2018 và ngày 04/5/2018, chị H vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Vì tình cảm hiện tại không còn nữa, bản thân chị đã suy nghĩ rất kỹ lưỡng, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây khó khăn cho nhau, không đem lại hạnh phúc và hậu quả sẽ khó lường. Anh T không đồng ý ly hôn, vì anh vẫn còn thương yêu chị H, mong chị H về đoàn tụ cùng nhau sinh sống xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau khắc phục khó khăn và làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử, xử được ly hôn với anh Trương Thế T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh T không đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn mong tòa xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà giải quyết ly hôn với anh Trương Thế T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà thụ lý, giải quyết là hoàn toàn đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trương Thế T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình vào ngày 23/4/2013 là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay xúc phạm với nhau, cãi vã nhau. Hiện tại chị H đã bỏ đi khỏi nhà anh T một thời gian dài (*hơn hai năm*), sau đó quay lại chung sống. Nhưng được một thời gian thì mâu thuẫn lại phát sinh, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2017 cho đến nay. Xét thấy, cuộc hôn nhân của chị H và anh T được xác lập từ ngày 23/4/2013, nhưng vợ chồng chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn, chủ yếu là ly thân, chị H đã bỏ đi hai lần. Trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, thỉnh thoảng chỉ nói qua điện thoại chứ không gặp nhau để trao đổi về tình cảm, cuộc sống gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh T vẫn khẳng định còn thương yêu chị H, nhưng không chứng minh được lời hứa của mình là có căn cứ. Mặt khác, chị H khẳng định rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, thực tế vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T càng sớm càng tốt để mỗi người có cuộc sống riêng, yên tâm làm ăn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm con người phải xuất phát từ phía hai người, phải xuất phát từ tình thương của vợ, chồng thì cuộc sống vợ, chồng mới đem lại hạnh phúc cho nhau. Nếu tình cảm một bên không còn thương yêu nữa thì dù có níu kéo cũng khó đem lại hạnh phúc được mà còn có thể xảy ra những việc khó lường trong cuộc sống. Đặc biệt, chị H đã bỏ đi khỏi nhà hai lần với thời gian dài, điều này thể hiện tình cảm vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử khẳng định cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết để chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T là có cơ sở và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung và hiện tại chị H cũng không có thai, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự công nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn*): Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H đề ngày 21 tháng 02 năm 2018;

Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trương Thế T.

2) Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung và hiện tại chị H cũng không có thai, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

3) Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự công nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn*):

Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc chị Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn sơ thẩm*) là: **300.000đ** (*ba trăm ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp **300.000đ** trước đây, theo biên lai số: AA/2010/0009338 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (*08/6/2018*) nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(*đã ký*)

Nơi nhận:

- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

NGUYỄN DUY NGŨ